TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06-02-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Quốc Nhã.

2. Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Trúc là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Thoại - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2025/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2025, về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2026/QĐXX-HNGĐ, ngày 07 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 217/2026/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thanh K, sinh năm 1995; cư trú tại đội A, thôn T, xã T, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trình Văn T, sinh năm 1995; cư trú tại đội E, thôn Đ, xã T, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh K trình bày:

Bà và ông Trình Văn T kết hôn vào ngày 28 tháng 9 năm 2022 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Gia Lai. Trước khi kết hôn, bà và ông Trình Văn T có tìm hiểu rồi tự nguyện đăng ký kết hôn chứ không ai ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn, bà và ông Trình Văn T sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn

nên giữa bà và ông Trình Văn T sống không hạnh phúc với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc bà phát hiện ông T không lo làm để lo cuộc sống gia đình, bà đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông T không thay đổi. Bà và ông T không còn chung sống với nhau từ tháng 12 năm 2023 đến nay. Nay bà và ông Trình Văn T không còn tình cảm gì với nhau, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trình Văn T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà và ông Trình Văn T có 01 người con chung là cháu T1 Trần Hà M, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2023. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; hiện nay bà đang trực tiếp nuôi dưỡng con. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà không yêu cầu phân chia tài sản chung của bà và ông T. Hiện nay bà và ông T không phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản đối với ai khác. Ngoài ra bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn ông Trần Văn T2 mặc dù đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng ông T2 không có ý kiến trình bày gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh K, cho bà Trần Thị Thanh K được ly hôn với ông Trình Văn T; giao con chung của bà Trần Thị Thanh K và ông Trình Văn T là cháu Trình Trần Hà M, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2023 cho bà Trần Thị Thanh K trực tiếp nuôi dưỡng. Bà K không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xét. Các đương sự đều không yêu cầu phân chia tài sản chung; hiện nay bà K và ông T không phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản đối với ai khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi

ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Trình Văn T cư trú tại đội E, thôn Đ, xã T, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trình Văn T vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Trình Văn T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh K và ông Trình Văn T kết hôn vào ngày 28 tháng 9 năm 2022 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Gia Lai nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65. Việc kết hôn giữa bà Trần Thị Thanh K và ông Trình Văn T tuân theo các điều kiện quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa bà Trần Thị Thanh K và ông Trình Văn T là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu của bà Trần Thị Thanh K về việc yêu cầu ly hôn với ông Trình Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy, bà K cho rằng sau khi kết hôn, bà K và ông T sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc ông T không lo làm để lo cuộc sống gia đình, bà K đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông T không thay đổi nên giữa bà K và ông T xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 12 năm 2023 cho đến nay. Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà K và ông T để tiến hành hòa giải, nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng bà K và ông T, nhưng ông T không có ý kiến đối với việc giải quyết vụ án, không đến Tòa án để tham gia hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông T tiếp tục vắng mặt. Do đó, có đủ căn cứ chứng minh hôn nhân giữa bà K và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét cho bà K được ly hôn với ông T.

[3.2] Về con chung: Bà Trần Thị Thanh K và ông Trình Văn T có 01 người con chung là cháu T1 Trần Hà M, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2023. Xét yêu cầu của bà K về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay bà K đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu M. Vì vậy để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của các cháu M, căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu M cho bà K trực tiếp trông nôm, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Bà Trần Thị Thanh K không yêu cầu ông Trình Văn T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét. Ông Trình Văn T có quyền,

nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng ông Trình Văn T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Trần Thị Thanh K. Khi cần thiết bà Trần Thị Thanh K và ông Trình Văn T đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Bà Trần Thị Thanh K và ông Trình Văn T đều không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và không yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh K phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước.

[5] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh K.

2. Về quan hệ hôn nhân:

2.1. Cho bà Trần Thị Thanh K ly hôn với ông Trình Văn T.

2.2. Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Thanh K và ông Trình Văn T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Gia Lai chứng nhận ngày 28 tháng 9 năm 2022 chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

3. Về con chung:

3.1. Giao con chung của bà Trần Thị Thanh K và ông Trình Văn T là cháu Trình Trần Hà M, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2023 cho bà Trần Thị Thanh K trực tiếp trông nôm, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Hiện nay bà Trần Thị Thanh K đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 Trần Hà M.

3.2. Bà Trần Thị Thanh K không yêu cầu ông Trình Văn T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

3.3. Ông Trình Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng ông Trình Văn T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Trần Thị Thanh K. Khi cần thiết bà Trần Thị Thanh K và ông Trình Văn T đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

4. Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Bà Trần Thị Thanh K và ông Trình Văn T không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và không yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị Thanh K phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà Trần Thị Thanh K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003007 ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh K có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 06 tháng 02 năm 2026). Bị đơn ông Trình Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Phòng Giám đốc, kiểm tra, thanh tra và Thi hành án TAND tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2, tỉnh Gia Lai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Uỷ ban nhân dân xã Tuy Phước Bắc, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn thư.

Văn Công Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**